

**TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN**

**THÔNG TƯ số 1/1998/TT-TCBD**  
**ngày 15-5-1998 hướng dẫn thi**  
**hành Nghị định số 109/1997/**  
**NĐ-CP ngày 12-11-1997 của Chính**  
**phủ về bưu chính và viễn thông**  
**đối với công tác quản lý chất lượng**  
**vật tư, thiết bị, mạng lưới và dịch**  
**vụ bưu chính, viễn thông.**

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 27 tháng 12 năm 1990;*

*Căn cứ Nghị định số 12-CP ngày 11-3-1996 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Bưu điện;*

*Căn cứ Nghị định số 109/1997/NĐ-CP ngày 12-11-1997 của Chính phủ về bưu chính và viễn thông;*

*Căn cứ Quyết định số 110-TTg ngày 22-2-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành bưu chính - viễn thông giai đoạn 1996 - 2000;*

*Tổng cục Bưu điện hướng dẫn thực hiện công tác quản lý chất lượng vật tư, thiết bị, mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông như sau:*

**I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.1.** Tổng cục Bưu điện thực hiện quản lý nhà nước đối với chất lượng vật tư, thiết bị, mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông trên cơ sở các tiêu chuẩn do Tổng cục Bưu điện ban hành, các tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế do

Tổng cục Bưu điện công bố bắt buộc áp dụng, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

**1.2.** Nội dung quản lý chất lượng vật tư, thiết bị, mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông bao gồm:

- Ban hành và công bố các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng;

- Chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông;

- Chứng nhận đăng ký chất lượng mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông;

- Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

**1.3.** Thông tư này được áp dụng đối với:

- Các vật tư, thiết bị thuộc "Danh mục vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông phải được chứng nhận hợp chuẩn" và có mục đích kết nối vào mạng bưu chính, viễn thông công cộng. Danh mục này được phân thành Nhóm I và Nhóm II tương ứng với các phương thức chứng nhận hợp chuẩn quy định tại Mục 3.1.2 của Thông tư này.

- Mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông thuộc "Danh mục mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông phải đăng ký chất lượng".

Tổng cục Bưu điện công bố các danh mục trên theo từng thời kỳ.

Đối với các thiết bị phát sóng vô tuyến điện trên lãnh thổ Việt Nam, ngoài việc tuân thủ các quy định trong Thông tư này còn phải tuân theo các văn bản quy phạm pháp luật khác về quản lý thiết bị phát sóng vô tuyến điện.

**1.4.** Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông phải đăng ký chứng nhận hợp chuẩn theo quy định tại Mục 3.1 của Thông tư này.

Các doanh nghiệp khai thác mạng lưới và cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam phải đăng ký chất lượng theo quy định tại Mục 3.2 của Thông tư này.

**1.5.** Tổng cục Bưu điện công bố danh mục vật tư, thiết bị đã được chứng nhận hợp chuẩn. Các loại vật tư, thiết bị thuộc danh mục này có đủ điều kiện kỹ thuật để sử dụng trên mạng lưới bưu chính, viễn thông công cộng.

**1.6.** Các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp nêu trong Mục 1.4 phải chịu trách nhiệm trước các cơ quan nhà nước và khách hàng về chất lượng của vật tư, thiết bị, mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông do mình cung cấp.

**1.7.** Các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông nằm trong khuôn khổ các điều ước quốc tế về thừa nhận lẫn nhau đối với việc chứng nhận hợp chuẩn mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia thì chịu sự điều chỉnh của điều ước quốc tế đó.

## II. BAN HÀNH VÀ CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN

**2.1.** Tổng cục Bưu điện ban hành và công bố các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng đối với vật tư, thiết bị, mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông.

**2.2.** Các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng đối với vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông do Tổng cục Bưu điện ban hành và công bố là các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu để ngoài việc bảo đảm các tính năng chính, khi kết nối vào mạng bưu chính, viễn thông công cộng còn phải bảo đảm:

- Không gây hại đến khách hàng;

- Không gây hại đến mạng lưới;
- Không gây nhiễu có hại hoặc làm ảnh hưởng đến các đối tượng khác.

**2.3.** Các tiêu chuẩn bắt buộc đối với mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông là các yêu cầu để ngoài việc bảo đảm các tính năng chính, còn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng;
- Bảo đảm lợi ích của các doanh nghiệp khai thác mạng lưới và cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông.

## III. CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN VÀ ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG

**3.1.** Chứng nhận hợp chuẩn đối với vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông:

**3.1.1.** Chứng nhận hợp chuẩn là việc cấp giấy chứng nhận cho các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông có các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng.

**3.1.2.** Các phương thức chứng nhận hợp chuẩn.

Việc chứng nhận hợp chuẩn đối với vật tư, thiết bị thuộc Nhóm I và Nhóm II trong “Danh mục vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông phải được chứng nhận hợp chuẩn” nêu tại Mục 1.3 được thực hiện theo hai phương thức sau:

- Chứng nhận trên cơ sở đo kiểm và đánh giá mẫu vật tư, thiết bị sản xuất trong nước thuộc Nhóm I.
- Chứng nhận trên cơ sở đánh giá hồ sơ đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu thuộc Nhóm I; vật tư, thiết bị sản xuất trong nước và nhập khẩu thuộc Nhóm II.

### 3.1.3. Cơ quan cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn.

a) Tổng cục Bưu điện là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn cho các tổ chức và cá nhân cung cấp vật tư, thiết bị trên địa bàn toàn quốc đối với:

- Các loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông sản xuất trong nước và nhập khẩu thuộc Nhóm I;

- Các loại vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông sản xuất trong nước thuộc Nhóm II.

b) Đối với vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông nhập khẩu thuộc Nhóm II:

- Tổng cục Bưu điện cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn cho các tổ chức, cá nhân cung cấp vật tư, thiết bị hoạt động trên địa bàn Khu vực I.

- Các Cục Bưu điện khu vực cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn cho các tổ chức, cá nhân cung cấp vật tư, thiết bị trên địa bàn được phân công quản lý.

3.1.4. Giấy chứng nhận hợp chuẩn do các cơ quan nêu trên cấp có giá trị trên phạm vi toàn quốc.

### 3.1.5. Thủ tục chứng nhận hợp chuẩn.

#### a) Hồ sơ đăng ký:

Các tổ chức, cá nhân có vật tư, thiết bị cần được chứng nhận hợp chuẩn phải có hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền nêu tại Mục 3.1.3. Hồ sơ đăng ký chứng nhận hợp chuẩn gồm:

- Đơn xin đăng ký chứng nhận hợp chuẩn;
- Các tài liệu kỹ thuật bao gồm tài liệu mô tả tính năng và các đặc điểm kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng, tài liệu vận hành khai thác;
- Giấy phép thành lập doanh nghiệp (có công chứng);

- Giấy đăng ký kinh doanh (có công chứng).

Đối với vật tư, thiết bị sản xuất trong nước, khi xin chứng nhận hợp chuẩn cần có thêm:

- Quy trình sản xuất vật tư, thiết bị;
- Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu, khi xin chứng nhận hợp chuẩn cần có thêm:

Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm do nhà sản xuất vật tư, thiết bị cung cấp.

Mọi tài liệu nêu trên đều phải bằng tiếng Việt. Các giấy tờ là bản dịch sang tiếng Việt phải có xác nhận hợp pháp của cơ quan công chứng Việt Nam hoặc tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

#### b) Địa chỉ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ:

Tổng cục Bưu điện, 18 Nguyễn Du, Hà Nội

Cục Bưu điện Khu vực II, 27 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Cục Bưu điện Khu vực III, 30 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng.

#### c) Thời hạn giải quyết việc cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn:

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu: Cơ quan cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân xin chứng nhận biết kết quả chứng nhận hợp chuẩn trong vòng 2 tuần kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Đối với vật tư, thiết bị sản xuất trong nước thuộc Nhóm I: Tổng cục Bưu điện có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân xin chứng nhận biết kết quả chứng nhận hợp chuẩn trong vòng 2 tuần kể từ ngày nhận được kết quả đo kiểm.

Đối với vật tư, thiết bị sản xuất trong nước thuộc Nhóm II: Tổng cục Bưu điện có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân xin chứng nhận biết kết quả chứng nhận hợp chuẩn trong vòng 4 tuần kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trong những trường hợp đặc biệt, khi việc chứng nhận hợp chuẩn đòi hỏi thời gian dài hơn quy định trên, các cơ quan cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân xin chứng nhận biết. Thời hạn tối đa để thông báo kết quả không được vượt quá 2 tháng.

d) Các bước chứng nhận hợp chuẩn được thực hiện theo trình tự do Tổng cục Bưu điện hướng dẫn.

**3.2. Chứng nhận đăng ký chất lượng mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông:**

3.2.1. Chứng nhận đăng ký chất lượng mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông là chứng nhận của Tổng cục Bưu điện đối với cam kết của các doanh nghiệp về chất lượng mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông do họ khai thác và cung cấp phù hợp với các tiêu chuẩn bắt buộc.

3.2.2. Tổng cục Bưu điện khuyến khích các doanh nghiệp khai thác mạng lưới và cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tự nguyện đăng ký các tiêu chuẩn chất lượng mạng lưới và dịch vụ do mình khai thác và cung cấp.

3.2.3. Thủ tục đăng ký chất lượng.

a) Hồ sơ đăng ký chất lượng:

Các doanh nghiệp khai thác mạng lưới và cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông phải có hồ sơ gửi Tổng cục Bưu điện bao gồm:

- Đơn xin đăng ký chất lượng;

- Bản đăng ký chất lượng;

- Quy trình vận hành, khai thác mạng lưới và cung cấp dịch vụ;

- Các tài liệu kỹ thuật về chất lượng có liên quan.

b) Địa chỉ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ:

Tổng cục Bưu điện, 18 Nguyễn Du, Hà Nội.

c) Thời hạn giải quyết việc chứng nhận đăng ký chất lượng.

Trong vòng 15 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Bưu điện có trách nhiệm thông báo kết quả cho các doanh nghiệp khai thác mạng lưới và cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông.

3.2.4. Các doanh nghiệp khai thác mạng lưới và cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông phải công bố công khai các chỉ tiêu chất lượng đã đăng ký.

**3.3. Cơ quan đo kiểm:**

3.3.1. Tổng cục Bưu điện công bố danh sách hoặc chỉ định các cơ quan đo kiểm hợp pháp thực hiện việc đo kiểm các vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông.

Trường hợp Tổng cục Bưu điện chỉ định cơ quan đo kiểm thì quy trình đo kiểm phải được Tổng cục Bưu điện phê duyệt.

3.3.2. Kết quả đo kiểm của các cơ quan nêu tại Mục 3.3.1 là cơ sở để Tổng cục Bưu điện xem xét, chứng nhận hợp chuẩn đối với vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông. Các kết quả đo kiểm này không có giá trị thay thế cho giấy chứng nhận hợp chuẩn.

3.3.3. Các cơ quan đo kiểm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các kết quả đo kiểm.

### 3.4. Lệ phí.

Khi gửi hồ sơ đăng ký chứng nhận hợp chuẩn hoặc đăng ký chứng nhận chất lượng, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư số 71-TC/TCT ngày 10-10-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép hoạt động bưu chính, viễn thông và Thông tư số 10/1998/TT-BTC ngày 21-1-1998 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71-TC/TCT ngày 10-10-1997 của Bộ Tài chính.

## IV. THANH TRA VÀ KHIẾU NẠI

**4.1.** Thanh tra bưu điện phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành thanh tra định kỳ hoặc bất thường việc chấp hành quy định về công tác quản lý chất lượng vật tư, thiết bị, mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**4.2.** Các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp bị thanh tra phải cung cấp các mẫu sản phẩm, thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung thanh tra và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu đã cung cấp; tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên thi hành nhiệm vụ.

**4.3.** Các vi phạm quy định về quản lý chất lượng vật tư, thiết bị, mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 79-CP ngày 19-6-1997 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

**4.4.** Mọi khiếu nại liên quan đến công tác quản

lý chất lượng vật tư, thiết bị, mạng lưới và dịch vụ bưu chính, viễn thông sẽ được xử lý theo trình tự, thủ tục của Pháp lệnh Khiếu nại và tố cáo.

## V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**5.1.** Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

**5.2.** Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Tổng cục Bưu điện để xem xét, bổ sung, sửa đổi.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện

MAI LIÊM TRỰC

**QUYẾT ĐỊNH số 297/1998/QĐ-TCBĐ**  
**ngày 16-5-1998 về việc ban hành**  
**Danh mục vật tư, thiết bị bưu**  
**chính, viễn thông phải được chứng**  
**nhận hợp chuẩn.**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

*Căn cứ Nghị định số 12-CP ngày 11-3-1996 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Bưu điện;*

*Căn cứ Nghị định số 109/1997/NĐ-CP ngày 12-11-1997 của Chính phủ về bưu chính và viễn thông;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế,*